

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/12/2020

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 150/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐ-ST ngày 23/11/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Hồng H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Q, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư văn phòng luật sư B – Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương. Địa chỉ: khu 1, phường Th, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lê Đình H1**, sinh năm 1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư P, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại : Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng H trình bày: Chị và anh H1 tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N (nay là phường N, thành phố H) ngày 19/11/2008. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại gia đình anh H1 đến năm 2011 hai vợ chồng về sinh sống tại gia đình chị ở Q, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Năm 2013 anh H1 đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau. Đến năm 2014 thông qua mạng xã hội, chị có nghi ngờ anh H1 có quan hệ với

người phụ nữ khác, không còn quan tâm đến vợ con, không gửi tiền về nuôi con. Năm 2016 anh H1 có về Việt Nam nhưng không đến thăm chị và các con, từ lâu chị và anh H1 không còn liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh H1 có hai con chung là Lê Hoàng Ph, sinh ngày 15/7/2011 và Y, sinh ngày 04/4/2013. Hiện các con chung đang ở với chị. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Lê Đình H2 và bà Nguyễn Thị Th là bố mẹ đẻ anh H1. Ông bà xác định anh H1 hiện đang lao động tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể ông bà không biết, nhưng anh H1 thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh H1 biết. Anh H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị H có đơn ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh H1 có nguyện vọng được nuôi một con chung. Trường hợp chị H không đồng ý để anh H1 nuôi con thì anh nhất trí để chị H nuôi cả hai con và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Các con chung của chị H, anh Hiếu là Lê Hoàng Ph và Y đều có nguyện vọng được ở với chị H.

Tòa án xác minh tại phường N thể hiện: Anh H1, chị H có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện N (nay là phường N, thành phố H), anh H1 chị H không thường xuyên sống tại địa phương, thỉnh thoảng có về thăm gia đình. Hiện tại anh H1 đi nước ngoài, không có mặt tại địa phương, chị H hiện đang sinh sống ở huyện B. Mâu thuẫn của anh H1, chị H địa phương không biết cụ thể. Nay chị H có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của BLTTDS. Do chưa đảm bảo thời gian chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 476 của BLTTDS nên đề nghị tạm ngừng phiên tòa và tiếp tục yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ của bị đơn đến khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị Hồng H có đơn khởi kiện anh Lê Đình Hiếu có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở Khu dân cư Ph, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (viết tắt TAND) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh H1 ở nước ngoài. Anh H1

thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Lê Đình H2 và bà Nguyễn Thị Th. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần đề nghị người thân của anh H1 cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, gia đình đã thông báo cho anh H1 biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị H và anh H1. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên đến ngày xét xử anh H1 vẫn vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Hồng H và anh Lê Đình H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N (nay là phường N, thành phố H) ngày 19/11/2008 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng gia đình anh H, sau đó vợ chồng lại về B sinh sống. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Năm 2013 anh H đi Đài Loan (Trung Quốc) lao động, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng. Anh H1, chị H từ lâu không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Thông qua gia đình, anh H1 có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị H. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh H1 đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm tới ai, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Vũ Thị Hồng H và anh Lê Đình H1 có hai con chung là Lê Hoàng Ph, sinh ngày 15/7/2011 và Y, sinh ngày 04/4/2013, hiện các con chung đang ở với chị H và có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thực tế từ nhỏ các con chung đã sống cùng với chị H, hiện tại anh H đang ở nước ngoài, không có mặt ở Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Chị H có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi hai con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Hiếu phải cấp dưỡng cho con. Sau này anh H về Việt Nam sinh sống, nếu có căn cứ cho rằng chị H nuôi con không đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung thì anh H có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền đề nghị giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu, anh H1 không có quan điểm gì về tài sản nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này chị H anh H có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Hồng H ly hôn anh Lê Đình H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Hoàng Ph, sinh ngày 15/7/2011 và Y, sinh ngày 04/4/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Lê Đình H1 phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Lê Đình H1 thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0002759 ngày 19/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Hồng H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Lê Đình H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường N, TP Hải Dương;
- UBND xã H, huyện B;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân